TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô THÀNH PHỐ CT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2024/QĐST-DS	*Ô, ngày 17 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Phú Mỹ 3, xã Mỹ Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện ủy quyền: Anh Mạc Văn T2, sinh năm 2001. Địa chỉ: khu vực Phước L, phường Tân L, quận Thốt N, thành phố CT

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T3, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu vực T1 Ngươn B, phường Phước T1, quận Ô, thành phố CT

Đại diện ủy quyền: Anh Lê Hữu Tân, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số 05 đường Trần Văn H, phường Xuân K, quận Ninh Ki, thành phố CT

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: khu vực 3, phường Châu Văn L, quận Ô, thành phố CT

+ Bà Nguyễn Thị Nhị L1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Địa chỉ: khu vực T1 Ngươn B, phường Phước T1, quận Ô, thành phố CT

Đại diện ủy quyền: Ông Dương Minh L, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm Vĩnh L3, thị trấn Vĩnh B, huyện Châu T4, tỉnh An G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hiện trạng các bên đương sự đang sử dụng đất:

Theo Bản trích đo địa chính số 07/VPĐKĐĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT, đối chiếu với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đương sự được cấp và công nhận như sau:

Bà Đặng Thị Th đứng tên người sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309455, số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, diện tích bà Thoa được công nhận là 72m^2, đất trồng cây hàng năm. Qua đo đạc thực tế, bà Thoa đang sử dụng tại vị trí E, diện tích còn lại còn 66.5m^2.

Bà Đặng Thị Ngọc T3 đứng tên người sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309458 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, diện tích bà Thúy được công nhận là 72m^2, đất trồng cây hàng năm. Qua đo đạc thực tế, bà Thúy đang sử dụng tại vị trí C, diện tích còn lại còn 64.7m^2.

Bà Nguyễn Thị Minh T đứng tên người sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309457 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, diện tích bà Thu được công nhận là 35.7m^2, đất trồng cây hàng năm. Qua đo đạc thực tế, bà Thu đang sử tại vị trí B, diện tích còn lại còn 33.5 m^2. (Trên đất có căn nhà cấp 4 của bà Thu chưa được công nhận)

Bà Nguyễn Thị Nhị L1 đứng tên người sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309456 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, diện tích bà L1 được công nhận là 38.3m^2, đất trồng cây hàng năm. Qua đo đạc thực tế, bà L1 đang sử dụng tại vị trí A, diện tích là 52.0 m^2. (Trên đất có căn nhà cấp 4 của bà L1 chưa được công nhận)

Riêng phần tranh chấp tại vị D có diện tích là 1.3m^2

2.2.Các bên đương sự thỏa thuận và thống nhất sử dụng riêng đất như sau:

-Theo Bản trích đo địa chính số 07/VPĐKĐĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT:

+ Bà Đặng Thị Ngọc T3 đồng ý trả lại cho bà Bà Đặng Thị Th, diện tích 1.3m^2 tại vị trí D. Như vậy, bà Đặng Thị Th được quyền ổn định sử dụng đất tổng diện tích (D +E = 1.3m^2 + 66.5m^2 = 67.8m^2).

+ Bà Đặng Thị Ngọc T3 được quyền ổn định sử dụng đất tại vị trí C 64.7m^2.

+ Bà Nguyễn Thị Minh T được quyền ổn định sử dụng đất tại vị trí B, diện tích còn lại 33.5 m^2.

+ Bà Nguyễn Thị Nhị L1 được quyền ổn định sử dụng đất tại vị trí A, diện tích là 52.0 m^2.

- Các bên đương sự được quyền sử dụng riêng đối diện tích đất của từng người nêu trên và có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

- Kiến nghị cơ quan chức năng thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau, để chỉnh lý biến động và cấp đổi lại cho từng đương sự theo quy định của pháp luật *(kèm theo Bản trích đo địa chính số 07/VPĐKĐĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT)*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309455, số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, bà Đặng Thị Th đứng tên sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309458 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, bà Đặng Thị Ngọc T3 đứng tên sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309457 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, bà Nguyễn Thị Minh T đứng tên sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK309456 số vào sổ CS13021 ngày 05 tháng 01 năm 2023, thửa 626, tờ bản đồ số 21, bà Nguyễn Thị Nhị L1 đứng tên sử dụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng. Bà Đặng Thị Kim Thoa tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT theo Biên lai thu số 0004260 ngày 02/11/2023 (công nhận bà Thoa đã nộp xong)

Về chi phí tố tụng: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Bà Thoa tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Bà Nguyễn Thị Minh T được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT theo Biên lai thu số 0004280 ngày 09/11/2023

Bà Nguyễn Thị Nhị L1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT theo Biên lai thu số 0004281 ngày 09/11/2023

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Văn Mẫn